TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HN-ST
Ngày: 15/4/2024
V/v "*yêu cầu ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Hữu Phước.

2. Ông Nguyễn Công Trung.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Mai Thành Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tiến – kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 14/2024/TLST-HNGĐ ngày 12/01/2024 về việc "*Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27/3/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1988 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: số B đường số D, phường A, Quận G, Thành Phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn H, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: số A ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2023, trong quá trình tố tụng và tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 07/3/2024, chị Nguyễn Thị Q trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn H cưới nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 28/01/2010, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, nhưng đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, đã sống ly thân nhiều lần và cũng hàn gắn được nhiều lần. Tuy nhiên, đến năm 2022 thì mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng nên đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay.

Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng chị cũng không có tới lui để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn với anh H nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung tên là Trần Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 09/9/2011 và Trần Nguyễn Khánh A1, sinh ngày 12/7/2015. Nay xin ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi cháu A, cháu A1 và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, anh Trần Văn H đều vắng mặt không gửi văn bản thể hiện ý kiến xin hàn gắn.*

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, vụ án đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Q đối với anh Trần Văn H. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử để cháu Trần Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 09/9/2011; cháu Trần Nguyễn Khánh A1, sinh ngày 12/7/2015 cho chị Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự nguyện của chị Q không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Q vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; anh Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Q và anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Văn H là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Q và anh H sống hạnh phúc đến

cuối năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau, không có tiếng nói chung và đến năm 2022 thì vợ chồng chính thức sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng chị Q cũng không có tới lui để tạo cơ hội hàn gắn. Hơn nữa, trong suốt quá trình tố tụng và tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị Q cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn với anh H và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Mặt khác, anh H biết được chị Q xin ly hôn với anh nhưng anh vẫn không gửi văn bản thể hiện ý kiến hàn gắn đến Tòa án. Qua đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị Q và anh H là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Q với anh H là có căn cứ phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Cháu Trần Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 09/9/2011; cháu Trần Nguyễn Khánh A1, sinh ngày 12/7/2015; Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị Q và anh H sống ly thân, cháu A, cháu A1 vẫn do chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, trong quá trình tố tụng và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị Q đều yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi cháu A và cháu A1. Trong khi đó, anh H không có ý kiến yêu cầu nuôi cháu A và cháu A1. Đồng thời, tại biên bản lấy ý kiến ngày 19/01/2024 của Tòa án, cháu A và cháu A1 cũng đều có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần để cháu A và cháu A1 cho chị Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình. Chị Q không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), chị Nguyễn Thị Q có nghĩa vụ nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Q đối với anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Q có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu

Trần Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 09/9/2011 và cháu Trần Nguyễn Khánh A1, sinh ngày 12/7/2015 (tại biên bản lấy ý kiến ngày 19/01/2024 của Tòa án, cháu A, cháu A1 đều có nguyện vọng sống với mẹ). Ghi nhận sự tự nguyện của chị Q không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), chị Nguyễn Thị Q có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000191 ngày 25/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Án phí, chị Q đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị Nguyễn Thị Q, anh Trần Văn H biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Chí Vũ